

# VỀ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN

VŨ THỊ THOAN

*Phòng Khoa học và Sau Đại học,  
Trường ĐHXH & NV*

Như chúng ta đã biết, do đối tượng, tính chất và chức năng khác nhau mà tính hiệu quả của đề tài nghiên cứu khoa học thuộc mỗi lĩnh vực khoa học cũng có sự khác nhau.

Đề tài thuộc KHXH & NV trong trường Đại học được đánh giá là hiệu quả khi sản phẩm nghiên cứu của nó phục vụ thiết thực cho bài giảng nói riêng, cho công tác nghiên cứu, đào tạo đại học và sau đại học của trường nói chung, đồng thời công bố được kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước, hoặc có thể xuất bản thành sách tham khảo hay giáo trình giảng dạy...

Với những tiêu chí như vậy, để tìm hiểu tính hiệu quả của các đề tài nghiên cứu khoa học nói chung của Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn trong 10 năm gần đây, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và khai thác 187 hồ sơ đề tài đã nghiệm thu, (những hồ sơ này đã có sự thẩm định của Hội đồng đánh giá nghiệm thu và các cấp quản lý) bao gồm 108 hồ sơ đề tài NCKH cấp ĐHQG - mã số QX và 79 hồ sơ đề tài NCKH cấp Trường, theo cách thức chính sau:

- Đọc, khai thác thông tin của từng hồ sơ, bao gồm công trình nghiên cứu của đề tài và các văn bản có trong hồ sơ như: *Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài, Biên bản nghiệm thu,*

tóm tắt kết quả nghiên cứu, phiếu đánh giá xếp loại của hội đồng, bản nhận xét - đánh giá của uỷ viên phản biện...

- Trên cơ sở đó, hệ thống theo 4 vấn đề cần tìm hiểu và tính chỉ số phần trăm của từng vấn đề, đó là:

1. Chỉ số đánh giá, xếp loại đề tài của Hội đồng đánh giá nghiệm thu với các mức: Tốt, khá, đạt và không đạt.

2. Chỉ số về việc công bố - in ấn, xuất bản kết quả nghiên cứu của đề tài để biết khả năng xã hội hoá kết quả nghiên cứu của đề tài.

3. Chỉ số về phục vụ đào tạo Đại học và Sau đại học để biết tính ứng dụng, triển khai của đề tài.

4. Chỉ số liên quan đến HTQT (xem bảng thống kê dưới đây).

### Thống kê kết quả đề tài NCKH cấp ĐHQG, cấp Trường (Qua hồ sơ đề tài đã nghiệm thu giai đoạn 1995-2004)

TT	Loại đề tài/Tổng số ĐT	Số ĐT/ Tỷ lệ %	Chỉ số kết quả xếp loại			Công bố, xuất bản		Phục vụ SDH	Liên quan HTQT
			Tốt	Khá	đạt	Tạp chí, kỷ yếu	Sách, GT		
1	2	3	5			6		7	8
1	Đề tài QX/  108 ĐT		Tốt	Khá	đạt	Tạp chí, kỷ yếu	Sách, GT		
		Số lượng ĐT	88	19	01	80	16	24	9
	Số %	81,48%	17,48%	0,92%	74,07%	14,81%	22,22%	8,33%	
2	Đề tài cấp Trường/ 79 ĐT	Số lượng ĐT	67	10	2	21	0	7	2
		Số %	84,81%	12,65%	2,53%	26,58%	0	8,86%	2,53%

Qua khảo sát cho thấy, hầu hết đề tài cấp ĐHQG và cấp Trường đều có một điểm chung là bổ sung tư liệu, kiến thức cho bài giảng, hoặc cho 1 chuyên đề giảng dạy nào đó, phục vụ công tác đào tạo của Trường. Vì vậy, chúng tôi không đưa điểm chung này vào, mà chỉ đưa số đề tài phục vụ Sau đại học.

Thông qua bảng biểu thống kê, với những con số “biết nói”, tự nó cho thấy bức tranh sinh động về tính hiệu quả của đề tài NCKH.

**\* Đối với đề tài QX (xem bảng)**

1. *Kết quả đánh giá, xếp loại.*

+ Loại tốt: 88 đề tài/108 ĐT - chiếm 81,48%.

+ Loại khá: 19/108 đề tài - chiếm 17,48%.

+ Loại đạt: 1/108 đề tài- chiếm 0,92%.

2. *Kết quả công bố, xuất bản.*

+ Số đề tài có bài viết trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học: 80/108 đề tài, chiếm 74,07%.

+ Số đề tài đã in giáo trình và sách tham khảo: 16/108 đề tài, chiếm 14,81%.

3. *Số đề tài phục vụ đào tạo Sau đại học*, bao gồm phục vụ bài giảng, viết chuyên đề, hướng dẫn cao học hoặc nghiên cứu sinh, hoặc phục vụ tư liệu cho luận án Thạc sĩ, Tiến sĩ: 24/108 đề tài, chiếm 22,22%.

4. *Liên quan đến HTQT*, bao gồm có quan hệ HTQT, và công bố bài viết trên tạp chí nước ngoài: 9/108 đề tài - chiếm 8,33%.

**\* Đối với đề tài cấp Trường (xem bảng)**

1. Chỉ số kết quả xếp loại:

. Loại tốt: 67/79 đề tài, chiếm 84,81%.

. Loại khá: 10/79 đề tài, chiếm 12,65%.

. Loại đạt: 2/79 đề tài, chiếm 2,53%.

2. Về chỉ số công bố xuất bản: 21/79 đề tài có bài viết trên tạp chí, hoặc kỷ yếu HTKH, chiếm 26,58%; không có đề tài được in sách hoặc giáo trình.

3. Phục vụ Sau Đại học (cùng vấn đề này, song đề tài cấp trường chủ yếu phục vụ tư liệu cho luận án cao học hoặc tiến sĩ của chủ trì đề tài): 7/79 đề tài, chiếm 8,86%.

4. Liên quan đến HTQT: 2/79 đề tài, chiếm 2,53%.

**Tổng hợp chỉ số % kết quả đề tài QX và Đề tài cấp Trường  
(Qua khảo sát hồ sơ đề tài đã nghiệm thu)**

<b>TT</b>	<b>4 vấn đề cần tìm hiểu</b>		<b>Đề tài QX</b>	<b>Đề tài Trường</b>
1	<b>Xếp loại</b>	TỐT	81,48%	84,81%
		Khá	17,48%	12,65%
		Đạt	0,92%	2,53%
2	<b>Công bố, xuất bản</b>	Tạp chí, kỷ yếu	74,07%	26,58%
		Sách, giáo trình	14,81%	0,00%
3	<b>Phục vụ sau đại học</b>		22,22%	8,86%
4	<b>Liên quan HTQT</b>		8,33%	2,53%

Như vậy:

- Ở cả 4 loại chỉ số: chỉ số đánh giá, xếp loại của Hội đồng, chỉ số về công bố xuất bản, chỉ số phục vụ Sau Đại học và chỉ số về HTQT, thì đề tài QX đều có mức cao hơn đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường. Điều này là logic, đúng với thực tế khách quan, bởi chủ trì đề tài QX thường là những người đã có quá trình công tác, có trình độ chuyên môn nhất định, còn chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, chủ yếu là cán bộ trẻ. Vả lại mức kinh phí và thời gian nghiên cứu của đề tài cấp trường cũng nhỏ hơn nhiều so với đề tài cấp ĐHQG và trên thực tế, đối với đề tài cấp trường, trong hợp đồng thực hiện không bắt buộc phải có bài viết trên tạp chí, hay in ấn, xuất bản.

- Chỉ số phục vụ sau Đại học cũng phản ánh sát thực và khách quan về trình độ chuyên môn của chủ trì đề tài: Nếu ở cấp đề tài QX, chỉ số phục vụ sau đại học là phục vụ bài giảng, chuyên đề sau đại học, hay hướng dẫn cao học, NCS, hoặc in giáo trình giảng dạy sau đại học, thì ở đề tài cấp Trường, chủ yếu ở mức phục vụ tư liệu cho luận án cao học, hoặc luận án Tiến sĩ của chính chủ trì đề tài, mà chưa thể đạt ở mức như đề tài QX.

- Hầu hết đề tài nghiên cứu khoa học trong Trường đều nhằm phục vụ giảng dạy và nâng cao trình độ chuyên môn của chủ trì đề tài nói riêng, cho công tác đào tạo của khoa và trường nói chung, thể hiện tính thiết thực của đề tài nghiên cứu khoa học trong trường Đại học.

- Số đề tài công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc trong các kỷ yếu HTKH, hay xuất bản sách và giáo trình chiếm tỷ lệ cao, 74% đối với đề tài QX, 26% đối với đề tài cấp Trường. Điều đó thể hiện khả năng xã hội hoá sản phẩm nghiên cứu của đề tài NCKH trong những năm vừa qua, tự nó khẳng định tính khả thi, tính ứng dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong trường Đại học. Điều này phù hợp và đúng hướng Đề án “Chiến lược phát triển khoa học công nghệ đến năm 2010” của Bộ KHCN đã đề ra: “Các trường đại học thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo”... (Đề án Chiến lược KHCN đến năm 2010/ Bộ KHCN, trang 36).

Tuy nhiên, trong 4 loại chỉ số trên đây, chỉ số đề tài có quan hệ HTQT còn ở mức ít ỏi: 8,3% đề tài QX, 2,5% đề tài cấp trường. Trong xu thế mở cửa và hội nhập hiện nay, thực trạng đó cần được quan tâm cải thiện bằng các chủ trương, biện pháp của Nhà trường, và sự nỗ lực tự thân của chính đội ngũ cán bộ trong toàn trường.

Nghiên cứu, đánh giá tính hiệu quả của đề tài nghiên cứu KHXH qua khảo sát hồ sơ đề tài đã nghiệm thu tại Trường Đại học KHXH&NV đã mang lại cứ liệu có ý nghĩa "thực chứng" về “sản phẩm đầu ra” của hệ thống đề tài do Trường thực hiện, nhằm góp phần tổng kết công tác nghiên cứu khoa học của Trường trong 10 năm vừa qua 1995-2005. Với hướng tiếp cận đó, chúng tôi mong muốn hạn chế sự đánh giá chung chung, khiên cưỡng, thậm chí còn ở đâu đó chưa đúng về tính hiệu quả của đề tài nghiên cứu KHXH, từ đó có cái nhìn thực tiễn, khách quan về hệ thống đề tài này trong Trường Đại học KHXH&NV, cũng như vai trò của nó đối với sự nghiệp đào tạo và đời sống chính trị - văn hoá - xã hội.